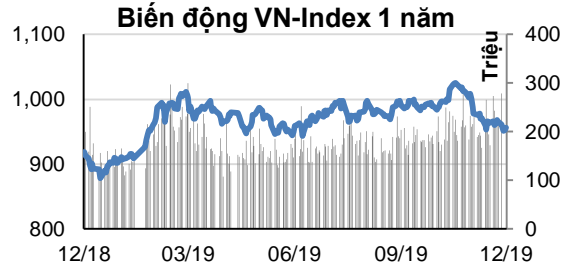


Biến động thị trường

	20/12	1N (%)	1T (%)
VN Index	956.41	0.4%	-4.4%
GTGD	5,010	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-328	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Trái phiếu và Hàng hóa

	20/12	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	1.58%	2.08%	2.73%
Lãi suất TPCP 3 năm	1.88%	2.39%	2.90%
Lãi suất TPCP 10 năm	3.51%	3.70%	4.02%
Dầu WTI (USD/thùng)	61.02	57.11	58.09
Vàng (USD/oz)	1,477	1,476	1,517

Nguồn: Bloomberg

Chỉ số vĩ mô

Quý	3Q19	2Q19	1Q19
GDP (% n/n)	7.31	6.73	6.82
FDI giải ngân (tỷ USD)	5.12	4.98	4.12
Tháng	11/19	10/19	09/19
CPI (% n/n)	3.52	2.24	2.44
PMI	51	50	50.5
Xuất khẩu (% n/n)	3.77	7.33	10.68
Nhập khẩu (% n/n)	4.52	2.89	11.77

Nguồn: Bloomberg, FIA, GSO, IHS Markit, Nikkei

Lợi nhuận doanh nghiệp

HSX	Hiện tại	3Q19	2Q19
Tăng trưởng (% n/n)		17.6	10.2
TTM PER (x)	15.7	16.5	16.4

Nguồn: Bloomberg, Finpro

Trần Trương Mạnh Hiếu

BP Chiến lược – Chuyên viên phân tích

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464

hieut.ttm@kisvn.vn

Dòng tiền vào nhóm ngân hàng

Thị trường chứng khoán Việt Nam duy trì sự phục hồi nhờ lực mua tập trung vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn.

Chỉ số VN-Index tăng 0.44% lên mức 956.41 điểm. Khối lượng giao dịch đạt 243 triệu cổ phiếu, tương đương 5,010 tỷ đồng. Độ rộng thị trường tích cực với 170 mã tăng so với 117 mã giảm, cho thấy tâm lý lạc quan. Trong khi đó, HNX-Index tăng 0.41% lên 102.41 điểm.

Ngân hàng và Bảo hiểm dẫn dắt xu hướng thị trường với tâm điểm là các mã BVH (+1.4%), CTG (+1.0%), BID (+1.3%), TCB (+2.0%), ACB (+0.9%), MBB (+1.4%), STB (+0.7%), VPB (+2.1%) và EIB (+2.1%). Bên cạnh đó, một số cổ phiếu khác như FPT (+1.2%), PNJ (+1.6%), SBT (+2.2%), SSI (+1.1%) và VRE (+1.7%) cũng nhận được dòng tiền tích cực.

Chiều ngược lại, một số cổ phiếu trong rổ VN30-Index như ROS (-0.4%), MSN (-1.0%) và CTD (-4.9%) lại đóng cửa trong sắc đỏ.

Nhà đầu tư nước ngoài đảo chiều bán ròng 328 tỷ đồng trên sàn HSX. Nhóm này bán mạnh VIC, VJC và MSN với giá trị lần lượt là 143 tỷ đồng, 72 tỷ đồng và 58 tỷ đồng. Về phía mua, ROS, E1VFVN30 và KBC đứng đầu danh sách.

Bất chấp hai phiên phục hồi liên tiếp thì xu hướng giảm vẫn còn trong ngắn hạn. Vì thế, nhà đầu tư nên thận trọng đứng bên ngoài quan sát và chờ đợi tín hiệu tiếp theo.

Điểm tin

Lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ và DJIA đóng cửa ở mức cao nhất tháng 12. Đóng cửa ngày giao dịch hôm 19/12/2019, lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ và chỉ số Dow Jones tăng lên mức cao nhất trong tháng. Cụ thể, chỉ số Dow Jones tăng 0.67% so với cuối tháng 11, đạt mốc 28,376 trong khi lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm đạt mức 1.923%, cao nhất từ đầu tháng. Diễn biến tăng cùng chiều của chỉ số Dow Jones và lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ đã diễn ra từ đầu tháng 12.

Dầu tăng nhờ thảo thuận thương mại Mỹ-Trung. Đóng cửa ngày giao dịch hôm 19/12/2019, giá dầu WTI và Brent đạt mốc 61.23 đô-la và 66.54 đô-la một thùng, mức cao nhất trong vòng 2 tháng gần đây. Giá dầu thô tăng lên có thể do sự thành công bước đầu trong thỏa thuận thương mại Mỹ- Trung và quyết định cắt giảm sản lượng gần đây của OPEC.

SSIAM ra mắt quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD. Vào ngày 19/10/2019 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) vừa cấp giấy chứng nhận phát hành chứng chỉ quỹ Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD, dưới sự quản lý của công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM). Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD dựa trên chỉ số VNFIN LEAD Index, với thành phần là cổ phiếu thuộc ngành tài chính (ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán ở Việt Nam). Quy mô dự kiến vào khoảng 25-30 triệu USD, thời gian IPO dự kiến từ 24/12/2019 đến ngày 15/1/2020. (ndh.vn)

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	956.41	4.15	0.4%	SL CP tăng giá	170
KLGD ('000 cổ phiếu)	243,333	23,866	10.9%	SL CP giảm giá	117
GTGD (tỷ VND)	5,010	967	23.9%	SL CP không đổi	93

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
BID	42,750	550	0.65
PLX	56,900	1,500	0.57
TCB	22,800	450	0.46
VRE	32,950	550	0.37
VCB	88,300	300	0.32

Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
MSN	55,000	-600	-0.205
GEX	18,600	-1,100	-0.157
HVN	33,850	-350	-0.145
PHR	47,650	-3,450	-0.136
PPC	27,200	200	-0.124

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
ROS	23,600	39.40	921.8
VNM	120,000	1.82	218.7
VHM	84,200	1.53	128.9
HPG	23,000	5.42	124.8
VJC	142,500	0.80	114.0

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Năng lượng	2.3%	0.56
CNTT	1.2%	0.15
Tài chính	1.0%	2.55
Nguyên vật liệu	0.7%	0.21
Bất động sản	0.3%	0.88

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Công nghiệp	-0.3%	-0.32
Khác	-0.3%	-0.02
Dịch vụ tiện ích	-0.0%	-0.22

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	102.42	0.42	0.4%	SL CP tăng giá	102
KLGD ('000 cổ phiếu)	35,209	8,068	29.7%	SL CP giảm giá	61
GTGD (tỷ VND)	484	203	72.4%	SL CP không đổi	201

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
ACB	22,700	200	0.33
HHC	117,300	10,600	0.10
DL1	28,900	1,800	0.09
NDN	17,800	900	0.04
TIG	6,700	400	0.03

Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
DGC	25,800	-400	-0.10
VCS	79,900	-2,300	-0.08
VC3	17,100	-400	-0.03
PVS	17,800	-100	-0.03
HUT	2,400	-100	-0.02

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
ACB	22,700	1.04	23.5
PVS	17,800	1.00	17.8
NDN	17,800	0.87	15.4
VCS	79,900	0.18	14.5
TNG	15,800	0.84	13.3

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
TD thiết yếu	1.2%	-0.02
TD không thiết yếu	1.0%	0.03
Bất động sản	0.9%	0.04
Công nghiệp	0.8%	0.11
Tài chính	0.6%	0.36

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Nguyên vật liệu	-1.3%	-0.07
Năng lượng	-0.6%	-0.04
Khác	-0.5%	-0.00

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
ROS	23,600	104.8	66.0	38.7
E1VFN30	14,360	24.6	4.8	19.8
KBC	15,250	24.4	6.6	17.9
SBT	18,400	13.8	0.5	13.3
BID	42,750	13.0	2.8	10.2

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VIC	115,800	68.4	211.9	-143.5
VJC	142,500	12.5	84.9	-72.4
MSN	55,000	11.0	69.8	-58.8
GEX	18,600	27.8	75.3	-47.5
VHM	84,200	77.8	110.3	-32.6

HNX

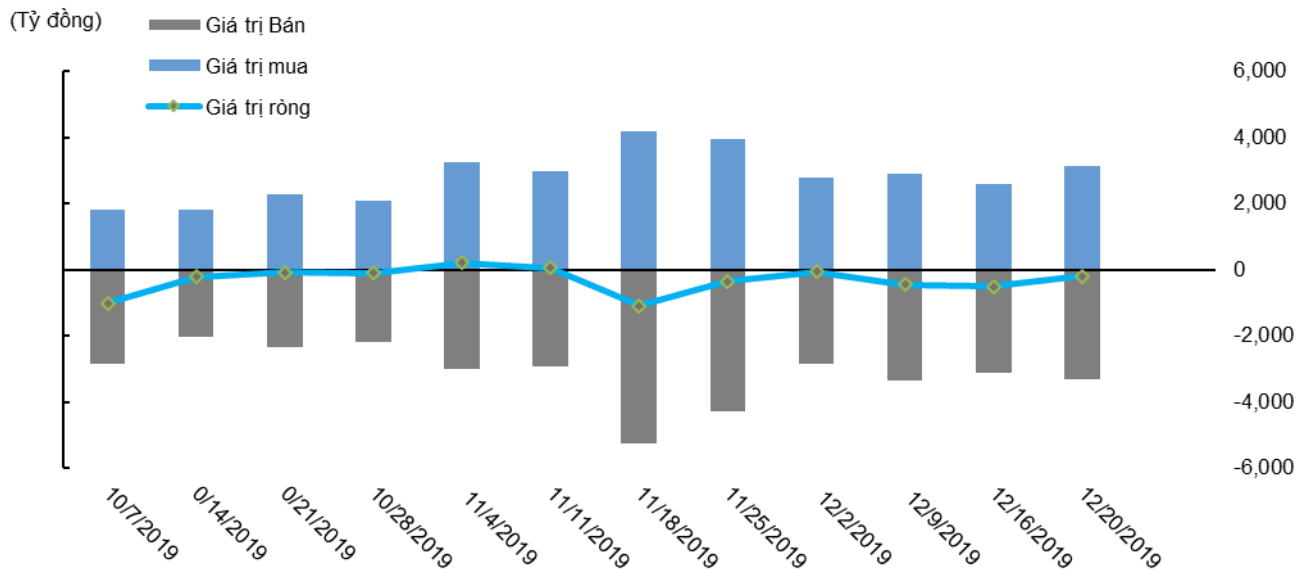
Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
IDV	37,500	0.3	0.0	0.3
VCS	79,900	0.2	0.0	0.2
PVI	31,200	0.2	0.0	0.2
HHC	117,300	0.3	0.2	0.2
SHB	6,200	0.1	0.0	0.1

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	17,800	0.0	2.7	-2.7
PMC	54,000	0.0	0.4	-0.4
HUT	2,400	0.0	0.3	-0.2
VNR	17,700	0.0	0.2	-0.2
SHS	7,700	0.1	0.2	-0.1

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện	Tỷ lệ	Giá trị
23/12/2019	28/02/2020	BRC	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
23/12/2019	09/01/2020	HND	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
23/12/2019	17/01/2020	HTI	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
23/12/2019		NNG	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản		
23/12/2019	06/01/2020	VDS	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3%	300
24/12/2019	08/01/2020	A32	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
24/12/2019		BAX	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản		
24/12/2019		DGT	Upcom	Đại hội Cổ đông Bất thường		
24/12/2019	10/01/2020	DHC	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
24/12/2019		HTP	HNX	Đại hội Cổ đông Bất thường		
24/12/2019	28/02/2020	MH3	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt	50%	5,000
24/12/2019		NTT	Upcom	Đại hội Cổ đông Bất thường		
24/12/2019	10/04/2020	PHR	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
24/12/2019	10/03/2020	PHR	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
24/12/2019	10/02/2020	PHR	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
24/12/2019	08/01/2020	THG	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
24/12/2019	05/02/2020	TRC	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
25/12/2019		HNB	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản		
25/12/2019		MBG	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản		
25/12/2019	21/01/2020	VEA	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt	39%	3,884
26/12/2019	14/01/2020	DCR	Upcom	Đại hội Cổ đông Bất thường		
26/12/2019	15/01/2020	NSL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt	8%	800
26/12/2019	14/01/2020	T12	Upcom	Đại hội Cổ đông Bất thường		
26/12/2019		TDP	Upcom	Đại hội Cổ đông Bất thường		
26/12/2019	28/02/2020	VNM	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
27/12/2019	20/01/2020	HEM	Upcom	Đại hội Cổ đông Bất thường		
27/12/2019		HLR	Upcom	Đại hội Cổ đông Bất thường		
27/12/2019	13/01/2020	UIC	HSX	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000

Lịch IPO

Ngày đầu giá	Mã CK	Công ty	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	SLCP bán ra công chúng	Giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
12/30/2019	HGRESIS	Trung tâm Đăng kiểm Phương tiện Giao thông Thủy bộ	5.7	212,036	10,000	Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ kỹ thuật cao trong kiểm tra, đánh giá, chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho các loại xe cơ giới đang lưu hành, các loại xe chuyên dùng, xe máy kéo nông nghiệp, lâm nghiệp có tham gia giao thông đường bộ.
12/30/2019	HGSEED	Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Hậu Giang	18.8	778,181	10,000	Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất Giống và nông nghiệp theo hướng công nghệ cao; Hoạt động dịch vụ nông nghiệp.
12/26/2019	QNFSC	Trung tâm Giống Nông - Lâm nghiệp Quảng Nam	13.9	1,281,303	10,000	Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và liên kết sản xuất giống lúa; Sản xuất cây trồng cạn, nấm, cây ăn quả, cây lâm nghiệp; Chăn nuôi ...

Niêm yết mới

Ngày GD đầu tiên	Mã CK	Công ty	Sàn GD	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	SLCP niêm yết	Giá tham chiếu (đồng)
26/12/2019	ADG	CTCP Clever Group	UPCoM	74	7,400,000	55,000
26/12/2019	CCA	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ	UPCoM	151	15,092,326	16,300

Đấu giá cổ phần khác

Ngày đầu giá	Mã CK	Công ty	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	SLCP bán	Giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
14/01/2020	HEJ	Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam	44.0	2,156,000	26,700	Đấu giá cả lô
10/01/2020	SGB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	3,080.0	1,498,680	20,204	-
09/01/2020	BGW	CTCP Nước sạch Bắc Giang	181.5	6,326,897	19,071	-
03/01/2020	KCNTH	CTCP Đầu tư Hạ tầng KCN Thanh Hóa	25.0	1,143,633	45,300	Đấu giá cả lô; nhà đầu tư nước ngoài không được quyền mua
31/12/2019	MQB	CTCP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình	36.8	1,120,546	13,006	-
31/12/2019	DGC	CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	1,293.6	11,451,308	49,100	-
31/12/2019	NQB	CTCP Cấp nước Quảng Bình	172.3	2,395,000	16,800	-
31/12/2019	ANT	CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang	60.0	2,942,400	20,500	Đấu giá cả lô; nhà đầu tư nước ngoài không được quyền mua
31/12/2019	HPXML	CTCP Tập đoàn Haprosimex	120.0	3,950,000	10,000	-
30/12/2019	VIKOR	CTCP Tôn Vikor	80.0	3,642,000	2,460	-

27/12/2019	TMPC	CTCP Tập đoàn Tân Mai	890.9	7,216,576	11,500	-
26/12/2019	FAFIM	CTCP Fafim Việt Nam	96.7	2,092,448	21,500	Đấu giá cả lô
26/12/2019	VGT	CTCP Bông Việt Nam	50.0	2,750,000	22,500	-
23/12/2019	TMW	CTCP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	46.6	3,269,500	40,300	-

Liên hệ

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà TNR,
180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

PGD Phạm Ngọc Thạch

Lầu 03, 62A Phạm Ngọc Thạch,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84 28) 7108 1188
Fax: (+84 28) 3820 9229

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 06, Tòa nhà CTM,
299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 3974 4448
Fax : (+84 24) 3974 4501

PGD Bà Triệu

Lầu 06, 74 Bà Triệu, P. Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7106 3555
Fax: (+84 24) 3632 0809

PGD Láng Hạ

P.504A, Lầu 05, Tòa nhà TĐL,
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84 24) 7108 1188
Fax : (+84 24) 3244 4150

Phòng Phân tích

Hoàng Huy

Trưởng phòng Phân tích
(+84 28) 3914 8585 (x1450)
huy.hoang@kisvn.vn

Phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.